

## ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2022

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM thông báo điều chỉnh một số thông tin đã ban hành trong Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022 số 173 /KHTN-SDH, ngày 01/03/2022 như sau:

### 1. Khoản 2.6. Môn thi ngoại ngữ và điều kiện xét miễn thi ngoại ngữ:

- a) Môn thi ngoại ngữ: thí sinh chọn thi 1 trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung.
- b) Điều kiện xét miễn thi môn ngoại ngữ: thỏa điều kiện quy định tại *phụ lục 1*.

### 2. Khoản 2.7 Hình thức thi tuyển:

- b) Môn ngoại ngữ:
  - Môn ngoại ngữ tiếng Anh: Thí sinh thi 4 kỹ năng, Đọc- Viết- Nghe- Nói. Cấu trúc đề thi xem tại *phụ lục 2*
    - Phần thi Đọc – Viết – Nghe: thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận
    - Phần thi Nói: thi theo hình thức vấp đáp trực tiếp.
  - Môn ngoại ngữ khác tiếng Anh: hình thức thi theo quy định hiện hành của ĐHQG-HCM.



Trần Lê Quan

HỌC GI.

## ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ TRONG KỲ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Thí sinh đạt một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ như qui định tại mục 1 và mục 2 của phụ lục 5 này thì được xét miễn thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ.

**1. Có chứng chỉ hoặc chứng nhận** trình độ ngoại ngữ đầu vào đạt tối thiểu bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) còn trong thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ/ chứng nhận đến ngày đăng ký thi tuyển và được cấp bởi một cơ sở do Bộ GDĐT hoặc ĐHQG-HCM công nhận, gồm các chứng chỉ sau:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của ĐHQG-HCM. Cụ thể các chứng chỉ được áp dụng và thang điểm tối thiểu như sau:

### a.1) Chứng chỉ tiếng Anh:

IELTS (IDP; HĐ Anh cấp)	TOEFL (ETS cấp)	TOEIC (ETS cấp)	Cambridge Exam*	BEC*	Bulats*
4.5	450 ITP; 133 CBT; 45 iBT	Nghe: 275; Đọc: 275; Nói 120; Viết: 120	PET	Preliminary	40

(\*): các chứng chỉ do Cambridge Assessment English cấp

### a.3) Ngoại ngữ khác

Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
TRKI 1	DELFB1; TCF B1	B1 ZD	HSK level 3	JLPT N4	TOPIK 3

b) Chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của các cơ sở đào tạo được Bộ GDĐT công nhận. Cụ thể áp dụng chứng chỉ do các cơ sở đào tạo dưới đây cấp:

- Khu vực phía Bắc gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG-HN), Đại học Thái Nguyên, Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện An ninh Nhân dân; Học viện Báo chí Tuyên truyền.
- Khu vực miền Trung gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế), Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng), Đại học Vinh, Đại học Quy Nhơn, Đại học Tây Nguyên.
- Khu vực phía Nam gồm các trường: Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Cần Thơ, Đại học Sài Gòn, Đại học Ngân hàng TP.HCM, Đại học Trà Vinh, Đại học Văn Lang; Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM; Đại học Công Nghiệp TP.HCM.; Trường ĐH KH Xã hội & Nhân văn.

## 2. Có văn bằng ngoại ngữ như qui định sau:

### a. Người dự tuyển là công dân Việt Nam có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là 1 trong 7 ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Hàn, Nhật. Văn bằng tốt nghiệp nước ngoài phải được Cục Quản lý chất lượng- Bộ GDĐT xác minh trước khi nộp xét miễn ngoại ngữ;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/ đề án/ khóa luận) được Bộ GDĐT hoặc ĐHQG-HCM công nhận;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài thuộc 1 trong 7 ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

**b. Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định** (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có). Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.





ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH  
KỲ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
TẠI TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM  
(Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022)**

1. **Thời lượng làm bài:** tối đa 120 phút (bao gồm thời gian chuyển tiếp giữa các bài thi)
  - 1.1. **Phần Đọc- Viết- Nghe:**
    - Đọc – Viết: 90 phút
    - Nghe: khoảng 20 phút
  - 1.2. **Phần Nói:** khoảng 15 phút/ thí sinh (5-7 phút chuẩn bị bài và khoảng 10 phút hỏi thi)
2. **Hình thức thi phần Đọc-Viết- Nghe:** Trắc nghiệm, Tự luận (viết câu)
3. **Dạng thức đề thi và thang điểm:** thang điểm 100

Phần thi	Số câu hỏi	Thang điểm
<b>Paper 1:</b> Vocabulary & Reading Comprehension	Part A. Vocabulary: 10 câu Part B. Reading passages: 10 câu	<b>20</b>
<b>Paper 2:</b> Grammar & Use of English Writing	Part A. Sentence completion: 15 câu. Part B. Cloze: 10 câu. Part C. Sentence transformation: 5 câu.	<b>40</b>
<b>Paper 3:</b> Listening	Part A. Short conversations: 10 câu Part B. Long conversation: 5 câu Part C. Talk: 5 câu	<b>20</b>
<b>Paper 4:</b> Speaking	Self –introduction: 5 điểm Guided conversation: 15 điểm	<b>20</b>
<b>Tổng điểm bài thi</b>		<b>100</b>

4. **Điểm đánh giá:** Thí sinh đạt yêu cầu khi tổng điểm 4 kỹ năng đạt tối thiểu 50/100 điểm. (không tính điểm liệt từng phần)

